

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HS-ST

Ngày 30 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Minh;

2. Ông Nguyễn Văn Thức.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yên- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8

- Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*

Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HS ngày 16/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phùng Thị Kiều N, sinh năm 2005, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Số nhà 54/8 đường T, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Tr, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Thu L, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Số 23 H, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Thị Kiều N và chị Võ Thị Thu L có mối quan hệ quen biết với nhau. Do chị L cần tiền để tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh nên N ngỏ ý cho chị L vay tiền và được L đồng ý. N cho chị L vay tiền với lãi suất từ 25.000 đồng/triệu/ngày đến 30.000 đồng/triệu/ngày. Quá trình cho vay, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 17 Pro Max, màu trắng và sử dụng tài khoản mạng xã hội Messenger tên “N P” liên lạc với tài khoản mạng xã hội Messenger tên “Võ Thị Thu L” của chị L để cho vay tiền. Khi cho vay tiền, N sử dụng số tài khoản 0375103860, Ngân hàng TMCP Quân Đội mang tên PHUNG THI KIEU N để chuyển tiền cho chị L vào số tài khoản 10000529361, Ngân hàng TMCP Việt Nam và số tài khoản 1052558007, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mang tên VO THI THU L.

Từ ngày 24/3/2025 đến ngày 20/01/2026, Phùng Thị Kiều N đã cho chị Võ Thị Thu L vay số tiền vượt quá lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/3/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Ngày 26/3/2025, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 27/4/2025, chị L đã trả 900.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 24/3/2025 đến ngày 26/3/2025 (03 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 16.438 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền là: $900.000 \text{ đồng} - 16.438 \text{ đồng} = 883.562 \text{ đồng}$. Cùng ngày, chị L đã trả 5.100.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 24/3/2025 đến 26/4/2025 (34 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 93.151 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $5.100.000 \text{ đồng} - 93.151 \text{ đồng} = 5.006.849 \text{ đồng}$. Khoản vay này chị L còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 2: Ngày 30/3/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 27/4/2025, chị L đã trả 4.000.000 đồng tiền lãi trong 27 ngày. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 73.973 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $4.000.000 \text{ đồng} - 73.973 \text{ đồng} = 3.926.027 \text{ đồng}$. Khoản vay này chị L còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 3: Ngày 30/4/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Khoản nợ gốc của khoản vay 01 và khoản vay 02, N cộng vào khoản vay lần này, tổng số tiền chị L vay là 20.000.000 đồng. Đến ngày 06/6/2025, chị L đã trả số tiền 38.500.000 đồng (trong đó: 20.000.000 đồng tiền gốc và 18.500.000 đồng tiền lãi (37 ngày kể từ ngày vay)). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 405.479 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $18.500.000 \text{ đồng} - 405.479 \text{ đồng} = 18.094.521 \text{ đồng}$.

Lần 4: Ngày 18/6/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 08/7/2025, chị L đã trả số tiền 8.150.000 đồng (trong đó: 5.000.000 đồng tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi (21 ngày)). Lãi suất cao

nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $3.150.000 \text{ đồng} - 57.534 \text{ đồng} = 3.092.466 \text{ đồng}$.

Lần 5: Ngày 28/6/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 30/7/2025, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 4.900.000 đồng tiền lãi (33 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 90.411 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $4.900.000 \text{ đồng} - 90.411 \text{ đồng} = 4.809.589 \text{ đồng}$.

Lần 6: Ngày 15/7/2025, vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 30/7/2025, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.150.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 15/7/2025 đến ngày 30/7/2025 (15 ngày)). Đến ngày 05/8/2025, chị L tiếp tục trả cho N 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $3.150.000 \text{ đồng} - 57.534 \text{ đồng} = 3.092.466 \text{ đồng}$.

Đến ngày 18/8/2025, chị L trả cho N 140.000 đồng tiền lãi (tổng tiền lãi là 1.140.000 đồng) tính từ ngày 31/7/2025 đến ngày 18/8/2025 (19 ngày). Khoản vay này chị L còn nợ 2.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi 1.000.000 đồng, đến ngày 22/9/2025, chị L đã trả tại khoản vay 9. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 20.822 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $1.140.000 \text{ đồng} - 20.822 \text{ đồng} = 1.119.178 \text{ đồng}$.

Lần 7: Ngày 06/8/2025, vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 10/9/2025, chị L đã trả 4.560.000 đồng tiền lãi (36 ngày). Khoản vay này chị L còn nợ 7.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi 3.000.000 đồng, đến ngày 22/9/2025, chị L đã trả tại khoản vay 9. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 138.082 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $7.560.000 \text{ đồng} - 138.082 \text{ đồng} = 7.421.918 \text{ đồng}$.

Lần 8: Ngày 18/8/2025, vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Khoản nợ gốc 2.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 6, N cộng vào khoản vay lần này, tổng số tiền chị L vay là 7.000.000 đồng. Đến ngày 22/9/2025, chị L đã trả 7.000.000 đồng tiền gốc và 7.560.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 18/8/2025 đến ngày 22/9/2025 (36 ngày). Tuy nhiên, khoản vay này N bớt cho chị L 360.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 138.082 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $7.200.000 \text{ đồng} - 138.082 \text{ đồng} = 7.061.918 \text{ đồng}$.

Lần 9: Ngày 10/9/2025, khoản nợ gốc 7.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 7, N cộng vào khoản vay lần này, tổng số tiền chị L vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 22/9/2025, chị L đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 3.900.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 10/9/2025 đến ngày 22/9/2025 (13 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 71.233

đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $3.900.000 \text{ đồng} - 71.233 \text{ đồng} = 3.828.767 \text{ đồng}$.

Lần 10: Ngày 20/9/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 30.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 22/9/2025, chị L đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 20/9/2025 đến ngày 22/9/2025 (03 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 16.438 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $900.000 \text{ đồng} - 16.438 \text{ đồng} = 883.562 \text{ đồng}$.

Lần 11: Ngày 27/9/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 07/11/2025, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 10.500.000 đồng tiền lãi (42 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 230.137 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $10.500.000 \text{ đồng} - 230.137 \text{ đồng} = 10.269.863 \text{ đồng}$. Khoản vay này chị L còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 12: Ngày 09/10/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 07/11/2025, chị L đã trả 2.000.000 đồng tiền gốc và 7.500.000 đồng tiền lãi (30 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $7.500.000 \text{ đồng} - 164.384 \text{ đồng} = 7.335.616 \text{ đồng}$. Khoản vay này chị L còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 13: Ngày 07/11/2025, khoản nợ gốc 5.000.000 đồng của khoản vay 11 và 8.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 12, N cộng vào khoản vay lần này, tổng số tiền chị L vay là 13.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 01/12/2025, chị L đã trả số tiền 21.125.000 đồng (trong đó: 13.000.000 đồng tiền gốc và 8.125.000 đồng tiền lãi (25 ngày)). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 178.082 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $8.125.000 \text{ đồng} - 178.082 \text{ đồng} = 7.946.918 \text{ đồng}$.

Lần 14: Ngày 12/11/2025, vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 10/12/2025, chị L đã trả số tiền 15.875.000 đồng (trong đó: 5.000.000 đồng tiền gốc và 10.875.000 đồng tiền lãi (29 ngày)). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 238.356 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $10.875.000 \text{ đồng} - 238.356 \text{ đồng} = 10.636.644 \text{ đồng}$. Khoản vay này chị L còn nợ số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 15: Ngày 24/11/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 03/01/2026, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 5.125.000 đồng tiền lãi (41 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 112.329 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền $5.125.000 \text{ đồng} - 112.329 \text{ đồng} = 5.012.671 \text{ đồng}$.

Lần 16: Ngày 04/12/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 15/12/2025, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (12 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là

65.753 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng – 65.753 đồng = 2.934.247 đồng. Khoản vay này chị L còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 17: Ngày 10/12/2025, khoản nợ gốc 10.000.000 đồng của khoản vay 14, N cộng vào khoản vay lần này, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 15/12/2025, chị L đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (06 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng – 32.877 đồng = 1.467.123 đồng. Khoản vay này chị L còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc.

Lần 18: Ngày 15/12/2025, khoản nợ gốc 5.000.000 đồng của khoản vay 16 và 5.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay 17, N cộng vào khoản vay lần này, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày.

Lần 19: Ngày 17/12/2025, vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 24/12/2025, chị L đã trả số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi (27 ngày). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 443.836 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng – 443.836 đồng = 19.556.164 đồng.

Lần 20: Ngày 20/12/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 24/12/2025, chị L đã trả số tiền 11.250.000 đồng (trong đó: 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (05 ngày)). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 27.397 đồng. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.250.000 đồng – 27.397 đồng = 1.222.603 đồng.

Lần 21: Ngày 06/01/2026, vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày.

Lần 22: Ngày 07/01/2026, vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày.

Lần 23: Ngày 12/01/2026, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày.

Lần 24: Ngày 20/01/2026, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 25.000 đồng/triệu/ngày.

Tổng cộng N đã cho chị L vay tiền 24 lần với mức lãi suất từ 912.5%/năm đến 1.095%/năm, gấp từ 45,625 lần đến 54,75 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền N cho vay là 213.000.000 đồng, trong đó chị L chưa trả số tiền 100.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 128.275.000 đồng, số tiền lãi theo quy định Nhà nước là 2.672.329 đồng, số tiền thu lợi bất chính mà Phùng Thị Kiều N thực tế đã thu của chị L là 125.602.671 đồng.

Tại cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 30/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phùng Thị Kiều N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Đại diện viện kiểm sát đã giữ nguyên Quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Thị Kiều N, phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự và áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phùng Thị Kiều N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000đ đến 40.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, Phùng Thị Kiều N đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về phân trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền bị cáo Phùng Thị Kiều N cho chị Võ Thị Thu L vay là 213.000.000 đồng tiền gốc (trong đó chị L đã trả số tiền 113.000.000 đồng, chưa trả số tiền 100.000.000 đồng); số tiền lãi bị cáo N thu của chị L là 128.275.000 đồng (trong đó: số tiền lãi theo quy định Nhà nước là 2.672.329 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 125.602.671 đồng). Do đó, đề nghị tuyên truy thu của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước: Số tiền gốc chị L đã trả cho bị cáo N là 113.000.000 đồng; số tiền lãi bị cáo N đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm do phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo là 2.672.329 đồng.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ người vay bà Võ Thị Thu L để trả lại tiền cho người vay, cụ thể số tiền 125.602.671 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là 125.602.671 đồng, đề nghị truy thu sau đó trả lại số tiền này cho chị L theo quy định của pháp luật. Truy thu số tiền nợ gốc là 100.000.000 mà chị Võ Thị Thu L đã vay chưa trả cho bị cáo N, để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 24/3/2025 đến ngày 20/01/2026 tại phường B, tỉnh Đắk Lắk, Phùng Thị Kiều N đã cho chị Võ Thị Thu L vay nhiều lần với tổng số tiền 213.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là 128.275.000 đồng, với mức lãi suất từ 912.5%/năm đến 1.095%/năm, gấp từ 45,625 lần đến 54,75 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi theo quy định Nhà nước là 2.672.329 đồng, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo N thực tế đã thu là 125.602.671 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Phùng Thị Kiều N đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bản thân bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được rằng việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ, mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật và đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Như vậy mới đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo

đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, để cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của địa phương và gia đình cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Các biện pháp tư pháp:

[4.1] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính 125.602.671 đồng của bị cáo Phùng Thị Kiều N để trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) Võ Thị Thu L.

- Truy thu số tiền gốc và lãi vượt quá lãi suất quy định (20%/năm) đối với Phùng Thị Kiều N đã thu được của người vay gồm: Tiền gốc 113.000.000 đồng; tiền lãi vượt quá 2.672.329 đồng, sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu của chị Võ Thị Thu L số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc chưa trả cho bị cáo N, để sung quỹ Nhà nước.

[4.2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 17 Pro Max, màu trắng (tình trạng máy đã bị nứt, không kiểm tra tình trạng hoạt động) đã qua sử dụng. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[5]. Đối với anh Huỳnh Thịnh, ngày 06/8/2025 chuyển tiền cho chị L. Qua điều tra xác định, anh Thịnh không biết việc bị cáo N nhờ chuyển tiền cho chị L nhằm mục đích cho vay tiền với lãi suất cao. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Thị Kiều N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị Kiều N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phùng Thị Kiều N cho UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

4. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

5. Các biện pháp tư pháp:

[5.1] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính 125.602.671đ (Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ hai nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng) của bị cáo Phùng Thị Kiều N để trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) Võ Thị Thu L.

- Truy thu số tiền gốc và lãi vượt quá lãi suất quy định (20%/năm) đối với Phùng Thị Kiều N đã thu được của người vay gồm: Tiền gốc 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng); tiền lãi vượt quá 2.672.329đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng), sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu của chị Võ Thị Thu L số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nợ gốc chưa trả cho Phùng Thị Kiều N, để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5.2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 17 Pro Max, màu trắng (tình trạng máy đã bị nứt, không kiểm tra tình trạng hoạt động) đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao, nhận tài liệu, đồ vật ngày 20/4/2026 giữa bên giao Phùng Thị Kiều N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phùng Thị Kiều N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thị Hoa Lý